

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 16 /2021/DS-ST

Ngày 16/04 /2021.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

[1]. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

[2]. Ông Nguyễn Quang Liêu

- Thư ký phiên tòa: bà Mai Thị Chang – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước: Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 16 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2021/ DS-ST ngày 18 tháng 2 năm 2021 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa ra xét xử số 13 /2021/QĐST-DS ngày 02 tháng 04 năm 2021 giữa các đương sự:

[1]. Nguyên đơn: chị Đinh T Y; sinh năm 1967

anh Điều K Q ; sinh năm 1968

Địa chỉ : Khu Đức lập, TT Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Trần V D (có mặt)

Địa chỉ: KP 4, Phường T Đ, TP. Đ X, tỉnh Bình Phước.

[2]. Bị đơn: anh Điều B; sinh năm 1980 (có mặt)

chị Thị U; sinh năm 1978(có mặt)

Địa chỉ: Thôn sơn Thọ, xã T S, huyện B Đ , tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2020 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày: Ngày 12/7/2016 nguyên đơn có cho anh Điều B, chị Thị U vay số tiền 550.000.000đ, đến ngày 12/2/2019 thì trả được 150.000.000đ, còn nợ lại 400.000.000đ và có ký vào “ Giấy nợ tiền”, thời hạn cuối cùng 20/5/2019 sẽ trả đủ gốc và lãi, lãi suất thỏa thuận bằng

miệng 3%/1 tháng, khi lập giấy nợ tiền ngày 12/2/2019 thì hủy bỏ giấy nợ cũ ngày 12/7/2016. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc đã vay còn lại 400.000.000đ, và lãi suất mức lãi 1,66%/1 tháng, kể từ ngày 12/2/2019 đến nay.

Bị đơn trình bày: Bị đơn có vay tiền của nguyên đơn là đúng, đến ngày 12/2/2019 thì trả được 150.000.000đ là đúng, còn lại 400.000.000đ có ký “Giấy nợ tiền” là đúng nhưng do bị ép buộc, đây là khoản lãi cao của số tiền vay 100.000.000đ, lãi suất có tháng 8%, có tháng 6%, từ ngày 22/7/2016, hàng tháng tôi có trả tiền cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn không làm giấy biên nhận cho tôi, tôi cũng không có gì chứng minh là bị ép buộc, nay bị đơn đồng ý trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn theo đơn kiện nhưng hiện tại không có khả năng trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý đến nay là đúng. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận theo đơn khởi kiện của nguyên đơn .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về " Hợp đồng vay tài sản".

Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3]. Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn về số tiền bị đơn đã vay hiện nay còn nợ lại 400.000.000đ, bị đơn thừa nhận là đúng, nay đồng ý trả gốc và lãi nhưng chưa có khả năng trả .

Như vậy đến hạn trả nợ nhưng bị đơn chưa trả tiền cho nguyên đơn , quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm, vì vậy cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc đã vay còn lại hiện nay 400.000.000đ.

Về tiền lãi: bị đơn đồng ý trả lãi, mức lãi 1,66%/1 tháng theo yêu cầu của nguyên đơn, do vậy tính lãi cụ thể như sau:

Lãi suất từ ngày 12/2/2019 đến nay 16/4/2021 là 26 tháng 4 ngày:

$400.000.000đ \times 1,66\%/1 \text{ tháng} \times 26 \text{ tháng} 2 \text{ ngày} = 173.525.333đ$

Tổng tiền gốc và lãi mà bị đơn Điều B, chị Thị Uí trả cho nguyên đơn chị Đinh T Y, anh Điều K Q là 573.525.333đ.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn nộp án phí theo luật định 26.941.013đ.

Chi cục Thi hành án trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.921.600đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Điều B, chị Thị Uí phải liên đới trả cho nguyên đơn chị Đinh T Y, anh Điều K Q số tiền gốc 400.000.000đ, tiền lãi 173.525.333đ, tổng công cả gốc và lãi 573.525.333đ.

[2]. Về án phí: Buộc bị đơn anh Điều B, chị Thị U phải liên đới nộp tiền án phí DSST là 26.941.013đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn chị Đinh T Y, anh Điều K Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.921.600đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 015999 ngày 18/02/2021.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHA huyện BĐ;
- Dương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên

